

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26/02/2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Vinh
2. Bà Đặng Thị Minh Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên toà: Ông Đỗ Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/02/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:612/2019/TLST-HNGĐ ngày12tháng12năm2019về tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi contheo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:07/2020/QĐXX-ST ngày10tháng02năm2020giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1983

Địa chỉ HKTT: Thôn M, xã YB, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987

Địa chỉ HKTT: Khu 5, xã MC, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hoà giải anh Trần Văn H trình bày: Anh Trần Văn H kết hôn với chị Nguyễn Thị Tngày 19/11/2004tại UBND xã Minh Châu, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện tìm hiểu. Sau kết hôn vợ chồng về chung sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, chị T bỏ đi từ tháng 11 năm 2018

cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ ngày đó cho đến nay. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn.

Trong bản tự khai và biên bản hoà giải chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn H ngày 19/11/2004 tại UBND xã Minh Châu, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được hơn 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng không hợp tính cách, chồng tôi nghiện hút, gài gú và có con riêng ở ngoài và đã từng đi trại cai nghiện và mâu thuẫn vợ mẹ chồng đã đuổi tôi đi. Vợ chồng ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị toà án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Con chung: Có 3 cháu Trần Văn D – sinh 01 tháng 8 năm 2005, Trần Văn H1, sinh ngày 26/03/2007, Trần Thị LA, sinh ngày 17/06/2011. Hiện nay 3 cháu đang ở anh H.

Quan điểm của anh H xin được nuôi 3 cháu và không yêu cầu trợ cấp dưỡng nuôi con chung. Tôi đi kinh doanh bán hàng tạm hoá lương tháng 10.000.000đ/ tháng bởi vì tôi kinh doanh ngoài lên cũng không có xác nhận cơ quan có thẩm quyền.

Quan điểm của chị T tại biên bản hoà giải ngày 31/12/2019 chị xin nuôi 3 và yêu cầu trợ cấp nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ/ tháng/ nuôi 3 cháu. Tại buổi làm việc hôm nay tôi xin nuôi 1 cháu Trần Thị L Anh và không yêu cầu trợ cấp nuôi con chung. Tôi hiện đang làm Công ty Đông Giang ở Hưng Yên lương tháng trung 8.000.000đ/ tháng, tôi nuôi con tôi gửi về nhà bố mẹ tôi và không cung cấp cho toà được xác nhận của Công ty về mức lương.

Tài sản chung: Anh chị đều thừa nhận không có

Tài sản riêng: Anh chị đều thừa nhận không có.

Công nợ: Anh chị đều thừa nhận không có.

Tại bản tự khai của các cháu Trần Văn D, Trần Văn H1, Trần Thị LA đều trình bày: bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được ở với bố. Đây là sự tự nguyện của cháu, không ai ép buộc cháu.

Tại phiên tòa hôm nay anh Trần Văn H vẫn giữ nguyên quan điểm. Chị Nguyễn Thị T xin được ly hôn và được nuôi cháu Trần Thị L A, yêu cầu anh Trần Văn H thanh toán cho chị tiền công sức làm chuồng bò, nuôi bò, 01 xe máy với số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng chẵn).

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Việc thụ lý và giải quyết, thu thập chứng cứ trong vụ án ly hôn của Tòa án là đúng theo các quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn H. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị T. Về con chung: có 3 cháu Trần Văn D – sinh 01 tháng 8 năm 2005, Trần Văn H1, sinh ngày

26/03/2007, Trần Thị L A, sinh ngày 17/06/2011. Giao cho anh Trần Văn H được nuôi 2 cháu Trần Văn D, Trần Văn H1. Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi 01 cháu Trần Thị L A, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung; Tài sản riêng: không có, Công nợ: không có. Công sức: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn H thanh toán cho chị Nguyễn Thị T số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng chẵn).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn H khởi kiện ly hôn chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Do vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Ba Vì thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H kết hôn với chị Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Châu, huyện Ba Vì và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/11/2004 là hôn nhân hợp pháp. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T thấy rằng: Trong thời gian sống chung giữa hai anh chị có mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống vợ chồng không hợp tính cách, mâu thuẫn mẹ chồng làng dâu. Anh H và chị T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn xin thuận tình ly hôn. Do vậy, HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị T.

[3] Về con chung: Có 3 cháu Trần Văn D – sinh 01 tháng 8 năm 2005, Trần Văn H1, sinh ngày 26/03/2007, Trần Thị L A, sinh ngày 17/06/2011. Hiện nay 3 cháu đang ở anh H. Quan điểm của anh H xin được nuôi 3 cháu và không yêu cầu trợ cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm của chị T xin nuôi 1 cháu Trần Thị L A và không yêu cầu trợ cấp nuôi con chung. Nguyên vọng của 3 cháu Trần Văn D, Trần Văn Hiệu và Trần Thị L A đều xin được ở với bố. Xét nguyện vọng nuôi con của anh H, chị T là đều chính đáng. Nhưng hiện nay 3 cháu đều trên 7 tuổi trở lên, các cháu lại có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với bố. Do vậy, để đảm bảo cuộc sống của cháu được ổn định và theo nguyện vọng của các cháu được quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân, gia đình. Vì vậy, HĐXX giao cho anh Trần Văn H được tiếp tục nuôi 3 cháu Trần Văn D, Trần Văn H1 và Trần Thị L A đến khi các cháu tròn đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Văn H không yêu cầu chị Nguyễn Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn cùng trình bày xác nhận không có, nên HĐXX không xét giải quyết trong vụ án này.

Về công sức: Tại phiên toà hôm nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu anh Trần Văn H phải thanh toán công sức đóng góp xây chuồng bò, nuôi bò, mua 01 xe máy với số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng chẵn). Anh Trần Văn H chấp nhận với

yêu cầu của chị Nguyễn Thị T. Do vậy, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[6] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Văn H chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí công sức sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp thuận yêu cầu ly hôn của anh Trần Văn H.

- Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn H và chị Nguyễn Thị T.

- Về con chung: Có 3 cháu Trần Văn D – sinh 01 tháng 8 năm 2005, Trần Văn H1, sinh ngày 26/03/2007, Trần Thị L A, sinh ngày 17/06/2011. Hiện nay 3 cháu đang ở anh H. Giao cho anh Trần Văn H được tiếp tục nuôi 3 cháu Trần Văn D, Trần Văn H1 và Trần Thị L A đến khi các cháu tròn đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác và không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: không có.

- Về công sức: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn H thanh toán cho chị Nguyễn Thị T số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng chẵn).

- Về án phí: Anh Trần Văn H chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 2.000.000đ án phí công sức. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 12/12/2019 theo biên lai số 0009770.

- Quyền kháng cáo: Án hôn nhân gia đình sơ thẩm xét xử công khai, có mặt các đương sự. Anh Trần Văn H, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- VKSND huyện
- UBND xã MC
- Người tham gia tố tụng
- THA dân sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã Ký)

Ngô Thị Thu Hương